TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v " Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà.

2. Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 541/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T, sinh năm 2001

Địa chỉ thường trú: 240/35E đường Nguyễn Văn L, phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: 893 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số 9 đường số A, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024; Bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trung K quen biết nhau qua mạng vào tháng 11 năm 2020, sau đó anh K vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Chị và anh K có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận F (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 07/7/2022).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chuyển về sống tại địa chỉ số 09 Đường A, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K là thợ chụp ảnh nên đi công tác thường xuyên, vợ chồng không có nhiều thời gian ở bên nhau để chăm sóc, quan tâm và chia sẻ mọi thứ với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mặt khác văn hóa vùng miền có quá nhiều khác biệt như cách ăn uống và cư xử với nhau cũng khiến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, anh K đi làm nhưng không bao giờ đưa tiền sinh hoạt và chi phí gia đình cho chị nên mọi thứ trong gia đình một mình chị phải lo toan, do đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều, tính anh K gia trưởng nên luôn muốn chị làm theo ý anh và không tôn trọng ý kiến của chị. Tháng 01/2023 chị đã dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh K không còn liên lạc với nhau. Thời gian đầu gia đình hai bên cũng khuyên nhủ nhưng cả chị và anh K đều không còn tình cảm với nhau nữa nên gia đình hai bên cũng tôn trọng quyết định của cả hai. Ngoài ra, anh K có nói với chị là anh đang có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên anh chị cũng thống nhất là ly hôn để cả hai tạo dựng cuộc sống mới. Nay chị không còn tình cảm với anh K nữa và cuộc hôn nhân giữa chị và anh K cũng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Trung K không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Trung K vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.*

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T. Về án phí đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung K nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Trung K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay anh K vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T và anh Nguyễn Trung K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 82 đăng ký ngày 07/7/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Theo như chị T trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K thường đi làm xa nhà nên vợ chồng không có thời gian chăm sóc, quan tâm nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Từ tháng 01 năm 2023 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau, cả hai không còn liên lạc với nhau. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên yêu cầu ly hôn với anh K

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…".* nhưng giữa vợ chồng chị T và anh K đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 01 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh K đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng anh K đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Trung K là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do chị Thy nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82 đăng ký ngày 07/7/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T và anh Nguyễn Trung K không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị T khai không có con chung với anh K nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do chị Nguyễn Phước Vũ Quỳnh T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010385 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND phường 11, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn